

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

*“Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ - TỈNH HƯNG YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Phượng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mười;
2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Cù xét xử sơ thẩm chình khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 “vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên;

***2. Bị đơn:*** Chị Trần Thị P, sinh năm 1990 “vắng mặt”;

Hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

***3. Người làm chứng:*** Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên. “vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị P, sinh năm 1990 quê quán ở Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên quen biết nhau từ năm 2007, sau khoảng ba tháng tìm hiểu thì anh H và chị P tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại Đắk Sin, Đắk R’Lấp, Đắk Nông, do chị P chưa đủ tuổi

nên anh H và chị P chưa đi đăng ký kết hôn. Đến ngày 26/4/2010 anh H và chị P về đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên và chuyển về Đ sinh sống từ năm 2010. Từ khi lấy nhau thì vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng 06 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; mặt khác công việc làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến năm 2013, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị P đưa cháu thứ hai vào trong Đăk Nông sinh sống, cũng từ đó đến nay anh H và chị P sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị P.

- Về con chung: Anh H và chị P có hai con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh năm 2008; đang ở với anh H và cháu Nguyễn Thị U, sinh năm 2010, đang ở với chị P. Ly hôn, anh H và chị P thỏa thuận, giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về phần tài sản: Anh H và chị P không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không vướng mắc gì về tài sản với người khác, không có ruộng cấy chung, không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình; anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Trần Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P trình bày về quá trình tìm hiểu, thời gia lấy nhau và cơ quan đăng ký kết hôn như anh H đã trình bày là đúng. Năm 2010, vợ chồng chị chuyển về quê Đ sinh sống, cuộc sống kinh tế của vợ chồng gặp khó khăn nên từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2013, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên chị P đưa con chung cháu U vào Đăk Nông sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị; từ đó cho đến nay vợ chồng chị sống ly thân. Thời gian đầu ly thân, thì anh H cũng liên lạc, động viên chị P về đoàn tụ nhưng chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau nên không đồng ý. Đến nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H khởi kiện ly hôn thì chị P cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho hai anh chị.

- Về con chung: Chị P và anh H có hai con chung là các cháu Nguyễn Thị Q, sinh năm 2008; đang ở với anh H và cháu Nguyễn Thị U, sinh năm 2010, đang ở với chị P. Ly hôn, chị P và anh H thỏa thuận, anh H nuôi dưỡng cháu Q còn chị P nuôi dưỡng cháu U. Chị P và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Chị P khẳng định chị và anh H không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có vướng mắc gì về tài sản với người khác, không

có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, chị P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Cháu Nguyễn Thị Q trình bày:* Cháu ở với bố và ông bà nội gần mười năm nay, từ lâu bố mẹ cháu không sống cùng nhau, nguyên nhân vì sao thì cháu Q không rõ. Trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bố và ông bà nội.

*Cháu Nguyễn Thị U trình bày:* Trong cuộc sống hàng ngày thì bố mẹ cháu thường hay cãi nhau, nguyên nhân cãi nhau thì cháu U không biết. Nếu bố mẹ cháu không sống cùng nhau nữa thì cháu U có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

*Người làm chứng bà Hoàng Thị B trình bày:* Năm 2007, gia đình hai bên tổ chức đám cưới cho anh H và chị P tại Đắk Nông. Năm 2010, gia đình bà và vợ chồng anh H, chị P chuyển về quê Đ, Đ, Phù Cừ, Hưng Yên sinh sống; thời điểm đó anh H và chị P mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Do cuộc sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Đến năm 2013, chị P đưa con chung cháu U bỏ đi, từ đó cho đến nay chị P không về gia đình bà nữa.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình xét hỏi chững khai tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị P. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/01/2008 cho anh H; giao cháu Nguyễn Thị U, sinh ngày 01/01/2010 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở. Về phần tài sản: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã Đ, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, hiện nay đang sinh sống tại tổ dân phố 10, N, Gia Thành, Đăk Nông; anh H và chị P lập biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án ly hôn giữa anh H và chị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và bị đơn chị Trần Thị P đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn - anh H và bị đơn- chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị P kết hôn tự nguyện, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên vào ngày 26/4/2010; do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P là hợp pháp. Nay anh H có yêu cầu ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Các đương sự đều thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống kinh tế của vợ chồng gặp vấn đề khó khăn nên từ đó hai bên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Từ năm 2013 cho đến nay anh H và chị P sống ly thân, không có cuộc sống chung, hai bên không ai còn quan tâm đến ai. Anh H và chị P đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thống nhất ly hôn. Như vậy đã có đủ căn cứ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh H có đơn khởi kiện ly hôn chị P là có căn cứ và được chấp nhận để giải phóng cho anh H, chị P mỗi bên ổn định cuộc sống mới là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị P có hai con chung là các cháu các cháu Nguyễn Thị Q, sinh năm 2008; đang ở với anh H và cháu Nguyễn Thị U, sinh năm 2010, đang ở với chị P. Cháu Q có nguyện vọng được ở với bố còn cháu U có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Anh H và chị P đều đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con như hiện trạng đang ổn định, các con chung cũng đã có quan điểm nguyện vọng, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của các đương sự để đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn và quyền và lợi ích hợp pháp cho các con chung.

Anh H và chị P có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở là phù hợp với các quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về phân tài sản:

Anh H và chị P không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có ruộng cấy chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình; các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị P.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/01/2008 cho anh H; giao cháu Nguyễn Thị U, sinh ngày 01/01/2010 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở
3. Về phần tài sản: Anh H và chị P không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có công sức đóng góp gì về tài sản với người khác, ruộng cấy không có; các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003759 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Anh H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
5. Quyền kháng cáo: Anh H, chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Duy Phụng**